

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 83/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 22 - 6 - 2021  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Minh Tấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Hoàng Giang.

2. Bà Nguyễn Kim Huệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2021/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị T, sinh năm 1980 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Tạ Văn V, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2021 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đặng Thị T trình bày:*

Về hôn nhân, vào năm 1995 bà (Đặng Thị T) và ông Tạ Văn V chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và không thể tiếp tục

cuộc sống chung. Cả hai không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2018 cho đến nay. Bà và ông Tạ Văn V không thể tự hòa giải, hàn gắn. Bà nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Tạ Văn V. Về con chung có 03 người tên là Tạ Thùy L (giới tính nữ) sinh năm 1998, Tạ Thúy L1 (giới tính nữ) sinh năm 2000. Hiện 02 người con chung này đã trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng Tạ Thị N (giới tính nữ) sinh ngày 24/10/2013 hiện do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu ông Tạ Văn V cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn là ông Tạ Văn V đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. *Về tố tụng*: Bà Đặng Thị T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Tạ Văn V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Đặng Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bà Đặng Thị T. Ông Tạ Văn V vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Tạ Văn V.

[2]. *Xét về hôn nhân*: Bà Đặng Thị T và ông Tạ Văn V chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Bà Đặng Thị T xác định quá trình chung sống cùng ông Tạ Văn V thời gian đầu hạnh phúc, thời gian gần đây giữa bà và ông Tạ Văn V thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và không thể tiếp tục cuộc sống chung. Bà Đặng Thị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông Tạ Văn V. Ông Tạ Văn V được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai chứng cứ cho Tòa án xem xét. Do hôn nhân của các đương sự không phù hợp với Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, vì vậy bà Đặng Thị T và ông Tạ Văn V không được công nhận là vợ chồng.

[3]. *Về con chung*: Có 03 người tên là Tạ Thùy L (giới tính nữ) sinh năm 1998, Tạ Thúy L1 (giới tính nữ) sinh năm 2000 và Tạ Thị N (giới tính nữ) sinh ngày 24/10/2013. Hiện Tạ Thùy L và Tạ Thúy L1 đã trưởng thành và có khả năng tự lao động sinh sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng Tạ Thị N hiện do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu ông Tạ Văn V cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, con chung là Tạ Thị N hiện do bà Đặng Thị T nuôi

dưỡng, tính đến thời điểm Tòa án xét xử thì Tạ Thị N hơn 07 tuổi và có nguyện vọng muốn tiếp tục chung sống cùng với bà Đặng Thị T nên phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, yêu cầu này của bà Đặng Thị T là có căn cứ chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đặng Thị T về việc không yêu cầu ông Tạ Văn V phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Đặng Thị T xác định không có đồng thời không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Đặng Thị T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 14, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Đặng Thị T và ông Tạ Văn V là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho bà Đặng Thị T chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Tạ Thị N (giới tính nữ), sinh ngày 24/10/2013 cho đến khi Tạ Thị N đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống. Ông Tạ Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đặng Thị T về việc không yêu cầu ông Tạ Văn V cấp dưỡng nuôi con.

Ông Tạ Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Đặng Thị T đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012484, ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nay chuyển thu.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS huyện Phú Tân (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Minh Tấn**